

Land&Life

VOL.50 | QUẢNG NAM | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**
KNOWLEDGE

Bản đồ hành chính huyện/ thành phố
Quảng Nam
Chỉ tiêu phát triển chính
giai đoạn 2021-2025



Lưu hành nội bộ

Quý độc giả thân mến,

Ở số tạp chí trước, chúng ta đã cùng đi khám phá tỉnh Phú Yên với những mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ mới. Vol.50 Land&Life tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về Duyên hải miền Trung, chúng tôi xin được giới thiệu tới Quý độc giả về tỉnh Quảng Nam.

Sau 25 năm tái thành lập, trải qua những khó khăn của đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, Quảng Nam đã nỗ lực vươn lên trở thành tỉnh trung bình khá của cả nước và có những bước hồi phục ấn tượng, đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận: Tăng trưởng GRDP hằng năm trung bình 9,35%, quy mô nền kinh tế lên gần 109.000 tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 66,3 triệu đồng,...

Nhiệm kỳ mới, Quảng nam đặt mục tiêu đưa Quảng Nam trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước vào năm 2030.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.50 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

Chịu trách nhiệm nội dung



Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Ho Mai Tuan
Ho Mai Tuan

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065

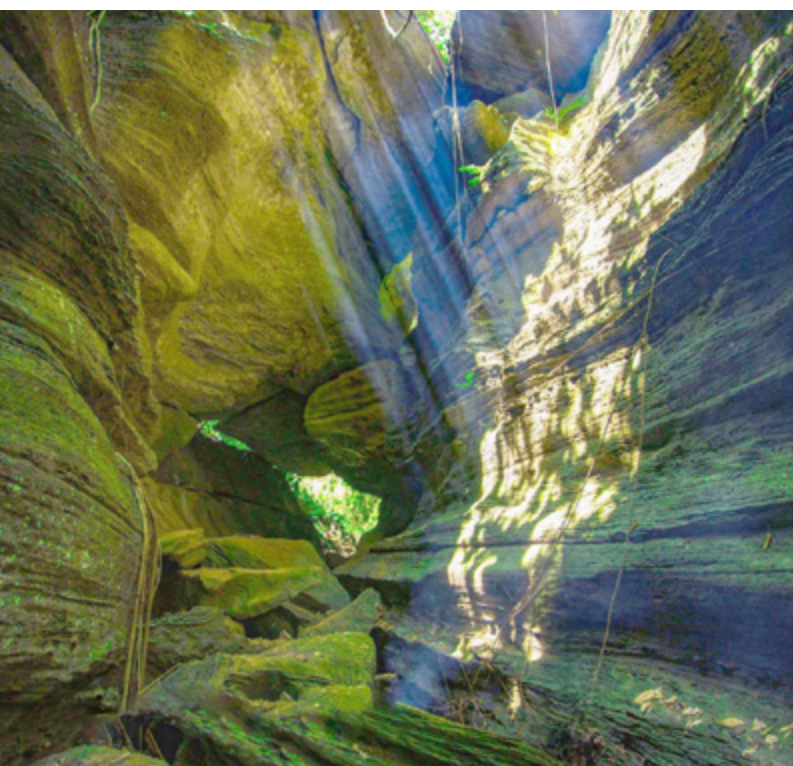


6. Tỉnh Quảng Nam
12. TP. Tam Kỳ
14. TP. Hội An
18. TX. Điện Bàn
22. Bắc Trà My
24. Đại Lộc
28. Đông Giang
30. Duy Xuyên
34. Hiệp Đức





38. Nam Giang
40. Nam Trà My
42. Nông Sơn
46. Núi Thành
48. Phú Ninh
50. Phước Sơn
52. Quế Sơn
58. Tây Giang
62. Thăng Bình
68. Tiên Phước



QUẢNG NAM



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tỉnh Quảng Nam nằm ở khu vực miền Trung Việt Nam, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng

Phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum

Phía Tây giáp tỉnh Sekong, Lào

Phía Đông giáp Biển Đông

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.495.812 km²

Dân số trung bình: 10.438 người.

Mật độ: 149 người/km²





ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Quảng Nam hiện có 18 đơn vị hành chính cấp huyện bao gồm 2 thành phố, 1 thị xã và 15 huyện, được chia thành 241 đơn vị hành chính cấp xã gồm: 25 phường, 13 thị trấn, 203 xã.

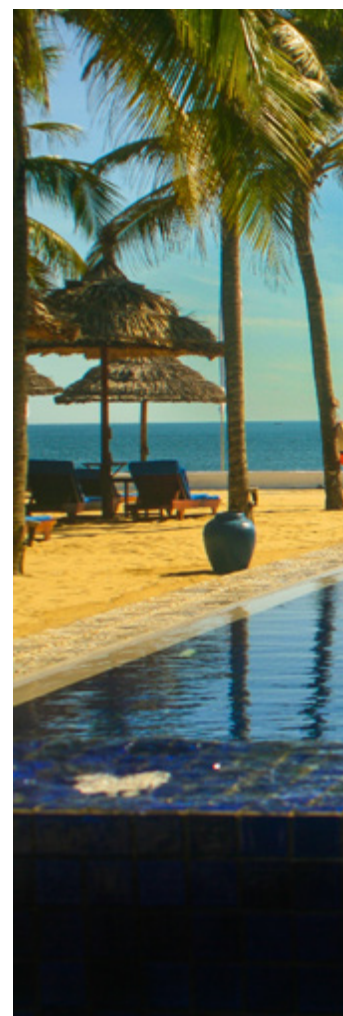
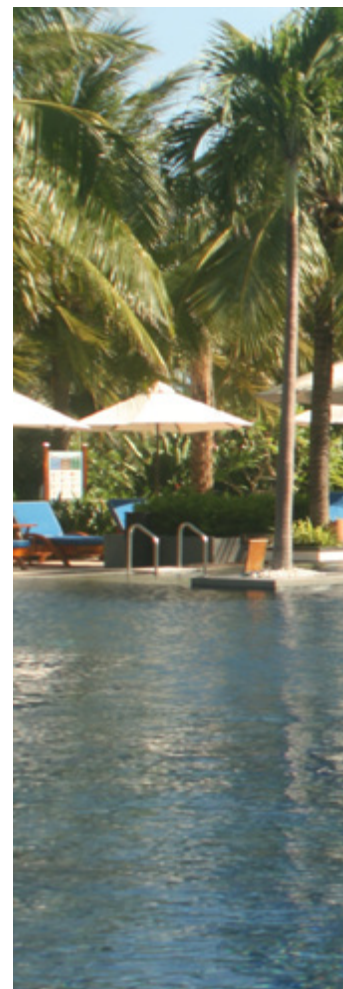


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh, hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, bản sắc văn hóa và truyền thống cách mạng; cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động xã hội; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo vệ tốt môi trường sinh thái; tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; phấn đấu đưa Quảng Nam trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước vào năm 2030.

KINH TẾ

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hằng năm từ 7,5 - 8%.
2. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 từ 110 - 113 triệu đồng.
3. Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 9% (trong đó, thu nội địa tăng bình quân 10%/năm, thu xuất nhập khẩu tăng bình quân 4%/năm).
4. Tỷ trọng các ngành trong GRDP đến năm 2025: Công nghiệp - xây dựng từ 35,8 - 36%; dịch vụ từ 37,2 - 37,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp từ 17,5 - 17,4%; nông, lâm nghiệp, thủy sản từ 9,5 - 9,3%. Đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng 35,5% (trong đó, công nghiệp 28,7%); dịch vụ 37%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp 19,3%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 8,1%.
5. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 khoảng 37%; trong đó, phấn đấu xây dựng thành phố tỉnh lỵ Tam Kỳ cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I vào năm 2025, từng bước xây dựng đô thị sinh thái, thông minh và đạt tiêu chí đô thị loại I vào năm 2030. Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40%.
6. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa bình quân 10%/năm.
7. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP đến năm 2025 trên 30%.
8. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân từ 6,8 - 7,3%/năm.
9. Số lượt khách du lịch đến năm 2025 đạt khoảng 12 triệu lượt khách.
10. Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa vào năm 2025 trên 99%.





XÃ HỘI

1. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 71 - 72%.
2. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 70 - 75%; trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; số lao động có việc làm tăng thêm 80.000 người.
3. Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh giảm còn 2,87% (trong đó, tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội khoảng 1,83%).
4. Đến năm 2025, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%; có 12 bác sỹ/01 vạn dân; 43,6 giường bệnh/01 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 20%.
5. Đến năm 2025, có 70% trường mầm non, 95% trường tiểu học, 80% trường trung học cơ sở, 60% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
6. Đến năm 2025, có 160 xã, chiếm 80% số xã đạt chuẩn NTM (trong đó, 64 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 16 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu); không còn huyện không có xã đạt chuẩn NTM, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí; có 09 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM (trong đó, có 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu); phấn đấu trở thành tỉnh đạt chuẩn NTM trước năm 2035.
7. Thu nhập bình quân đầu người tính theo thu nhập thực tế đến năm 2025 từ 68 - 70 triệu đồng.
8. Đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh không còn nhà tạm bợ.

MÔI TRƯỜNG

1. Đến năm 2025, tỷ lệ dân đô thị được sử dụng nước sạch đạt 90%.
2. Đến năm 2025, 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị và 95% tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý; 95% chất thải rắn công nghiệp thông thường, 80% chất thải nguy hại, 100% chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý.
3. Đến năm 2025, 100% các khu công nghiệp đang hoạt động và 50% cụm công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy trên 50% có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn về môi trường.
4. Đến năm 2025, không phát sinh mới các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và 100% các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nằm trong danh mục được khắc phục ô nhiễm và đưa ra khỏi danh mục.
5. Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 61%.





XÂY DỰNG ĐẢNG; QUỐC PHÒNG, AN NINH —

1. Hằng năm, số đảng viên được kết nạp từ 1.500 đảng viên trở lên; số đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỷ lệ từ 90% trở lên; số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 90% trở lên, không có tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ.
2. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, giao quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu giao; 100% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trên 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Tam Kỳ nằm ở phía Đông tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Thăng Bình

Phía Nam giáp huyện Núi Thành

Phía Tây giáp huyện Phú Ninh

Phía Đông giáp biển Đông.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.495.812 km²

Dân số trung bình: 10.438 người.

Mật độ: 149 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Tam Kỳ có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 phường: An Mỹ, An Phú, An Sơn, An Xuân, Hòa Hương, Hòa Thuận, Phước Hòa, Tân Thạnh, Trường Xuân và 4 xã: Tam Ngọc, Tam Phú, Tam Thăng, Tam Thanh.

THÀNH PHỐ TAM KỲ





THÀNH PHỐ HỘI AN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Hội An nằm bên bờ bắc hạ lưu sông Thu Bồn, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp biển Đông

Phía tây giáp thị xã Điện Bàn

Phía nam giáp huyện Duy Xuyên

Phía bắc giáp thị xã Điện Bàn và biển Đông.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

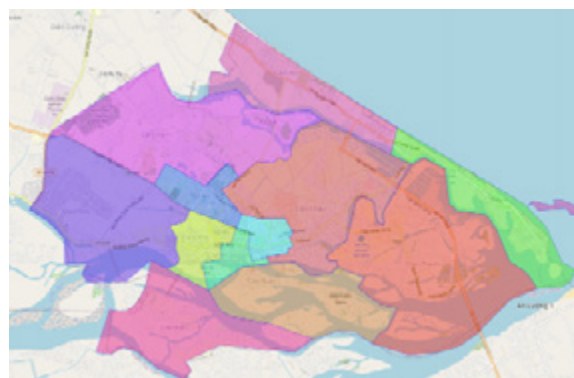
Diện tích: 61,48 km²

Dân số trung bình: 98.599 người.

Mật độ: 1.604 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Hội An có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 phường: Cẩm An, Cẩm Châu, Cẩm Nam, Cẩm Phô, Cửa Đại, Minh An, Sơn Phong, Tân An, Thanh Hà và 4 xã: Cẩm Hà, Cẩm Kim, Cẩm Thanh, Tân Hiệp (xã đảo nằm trên Cù lao Chàm).







MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục nâng cao công tác quản lý, bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị tự nhiên và nhân văn, trong đó Di sản văn hóa Thế giới Khu phố cổ Hội An và Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm- Hội An là hạt nhân lan tỏa để kiên trì thực hiện định hướng xây dựng thành phố sinh thái- văn hóa- du lịch



3 KHÂU ĐỘT PHÁ

- Tập trung mạnh hơn cho xây dựng văn hóa, con người Hội An làm nền tảng, động lực, mục tiêu cho sự phát triển của thành phố.
- Xây dựng nguồn nhân lực ngang tầm nhiệm vụ, gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.
- Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, phù hợp với xu thế mới.





THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thị xã Điện Bàn nằm ở phía Bắc tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía Bắc giáp huyện Hòa Vang và quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Phía Nam giáp huyện Duy Xuyên
- Phía Đông giáp thành phố Hội An và Biển Đông
- Phía Tây giáp huyện Đại Lộc.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 61,48 km²

Dân số trung bình: 98.599 người.

Mật độ: 1.604 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Hội An có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 phường: Cẩm An, Cẩm Châu, Cẩm Nam, Cẩm Phô, Cửa Đại, Minh An, Sơn Phong, Tân An, Thanh Hà và 4 xã: Cẩm Hà, Cẩm Kim, Cẩm Thanh, Tân Hiệp (xã đảo nằm trên Cù lao Chàm).

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tập trung xây dựng bộ máy chính quyền tỉnh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển, tạo bước đột phá về xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, nông thôn; phát triển kinh tế nhanh đi đôi với phát triển văn hóa, chăm lo giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường, phòng, chống dịch bệnh và phòng tránh thiên tai; nâng cao đời sống mọi mặt cho Nhân dân; tăng cường nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, làm tốt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quyết tâm xây dựng Điện Bàn phát triển bền vững, tạo nền tảng vững chắc để Điện Bàn trở thành đô thị loại III trước năm 2030.



KINH TẾ

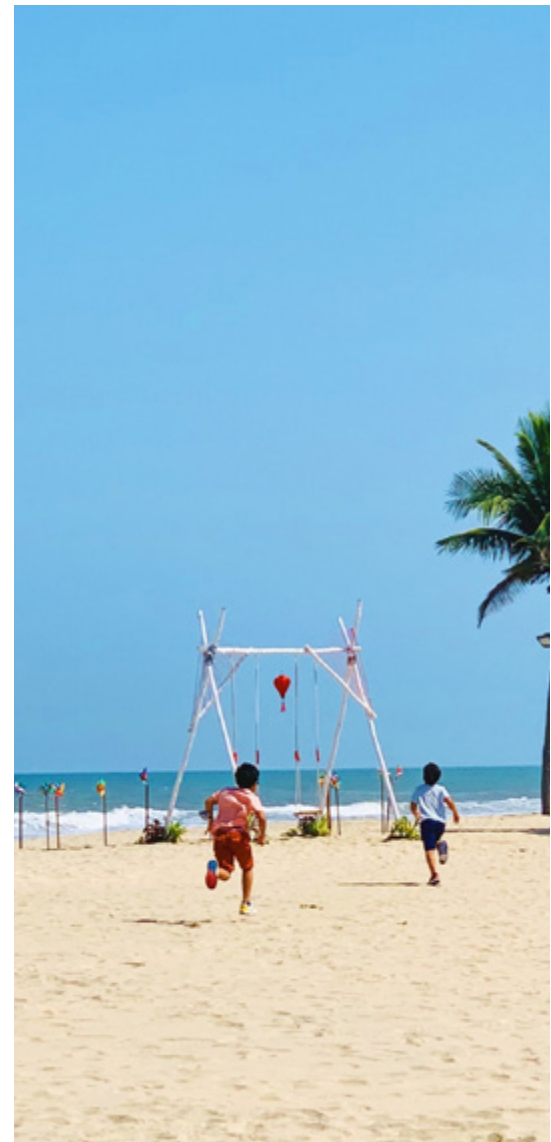
1. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 11%-12%; trong đó công nghiệp xây dựng tăng 11%-12% (riêng công nghiệp tăng 10-11%) dịch vụ
2. Tăng 14%-15%; nông nghiệp tăng 2-2,5%;
3. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp xây dựng- Dịch vụ-Nông nghiệp tương ứng: 57%-39%-4%;
4. Thu nhập (giá thực tế) bình quân đạt trên 94 triệu đồng/người/năm
5. Thu nội địa trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 15%-16%;
6. Giữ 100% xã đạt chuẩn xã nông thôn mới: xây dựng 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu.
7. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 16-18%; trong đó, vốn đầu tư thực hiện thuộc ngân sách Nhà nước do thị xã quản lý tăng 14%-15%;
8. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65% gắn với nâng cao chất lượng đô thị.

XÃ HỘI

1. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đến năm 2025 chiếm trên 85%; tỷ lệ lao động được đào tạo nghề chiếm trên 80%.
2. Thị xã không còn hộ nghèo (trừ đối tượng BTXH, hộ không đủ khả năng thoát nghèo); tỷ lệ hộ cận nghèo còn dưới 1% (theo chuẩn giai đoạn 2016-2020).
3. Cơ bản hoàn thành BHYT toàn dân.
4. 100% trường công lập đạt chuẩn quốc gia, trong đó, ít nhất 90% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, 100% xã, phường giữ vững, nâng cao chất lượng
5. Phổ cập giáo dục các trình độ.
6. 100% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý theo quy định: 95% trở lên hộ gia đình đóng phí rác thải; 100% hộ dân cư dùng nước sạch, hợp vệ sinh (Trong đó, 70% hộ dân sử dụng nước sạch do nhà máy nước cung cấp).
7. Có 75-80% thôn, khối phố đạt chuẩn thôn, khối phố văn hóa: 70-75% xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới; phường đạt chuẩn phường văn minh đô thị: 95% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa".

QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tỉnh giao về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.
2. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hàng năm.



BẮC TRÀ MY



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Bắc Trà My nằm ở phía nam của tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía đông giáp huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và huyện Núi Thành
- Phía tây giáp huyện Phước Sơn
- Phía nam giáp huyện Nam Trà My
- Phía bắc giáp các huyện Tiên Phước và Hiệp Đức.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 823,05 km²

Dân số trung bình: 41.335 người.

Mật độ: 50 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bắc Trà My có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Trà My và 12 xã: Trà Bui, Trà Đốc, Trà Đông, Trà Dương, Trà Giác, Trà Giang, Trà Giáp, Trà Ka, Trà Kót, Trà Núi, Trà Sơn, Trà Tân.

ĐẠI LỘC

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 585,6 km²

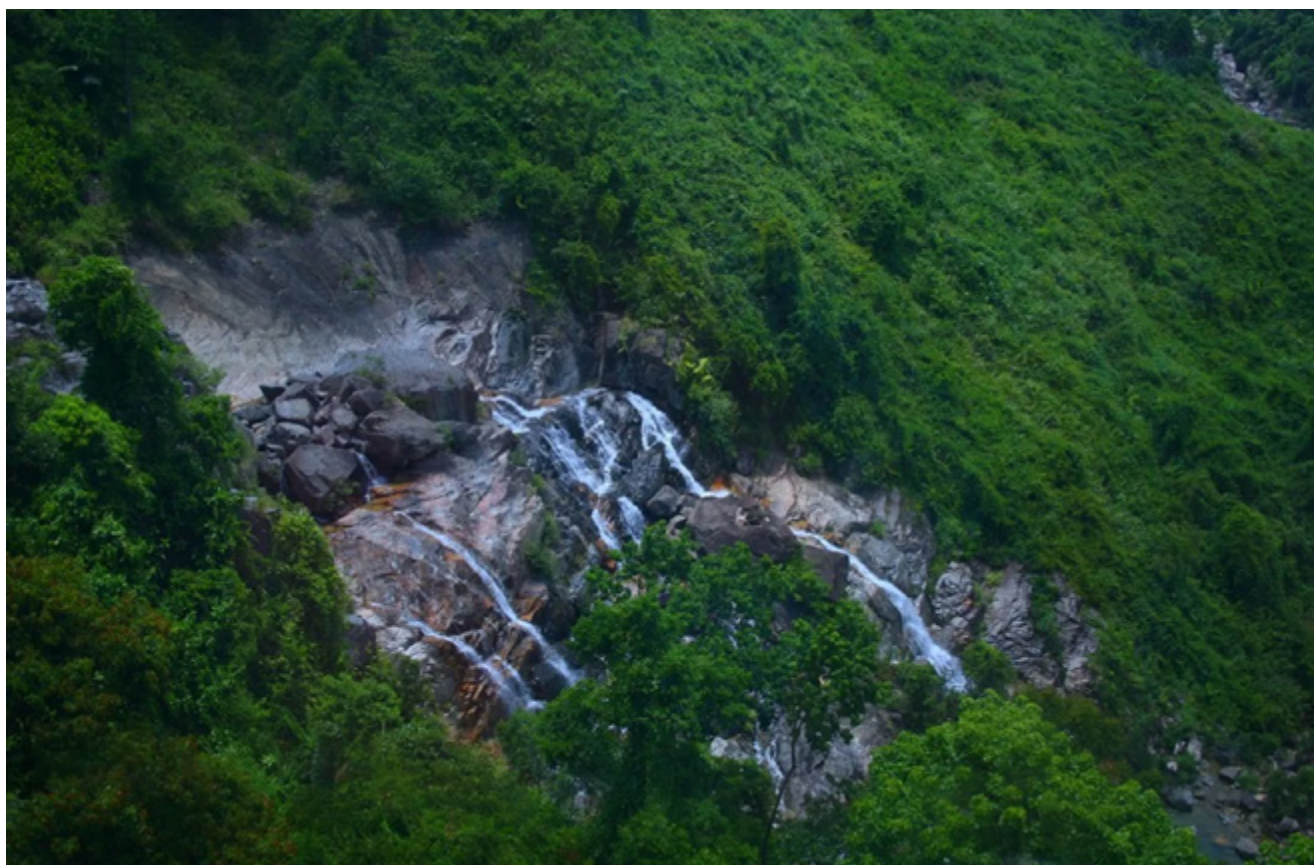
Dân số trung bình: 141.851 người.

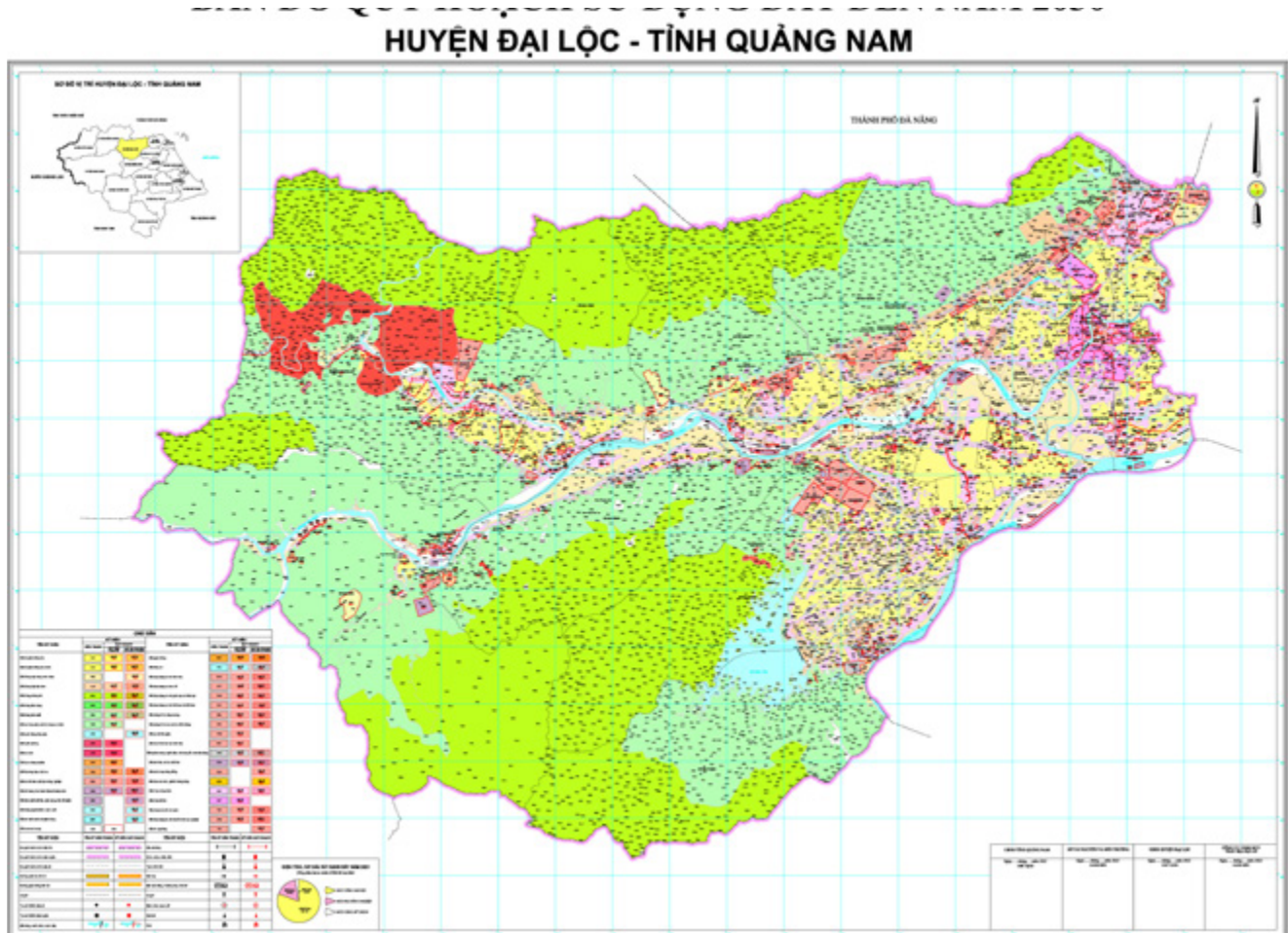
Mật độ: 242 người/km²

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Đại Lộc nằm ở phía bắc tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía đông giáp thị xã Điện Bàn
- Phía đông nam giáp huyện Duy Xuyên
- Phía tây giáp huyện Nam Giang
- Phía tây bắc giáp huyện Đông Giang
- Phía nam giáp huyện Nông Sơn.
- Phía bắc giáp huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.





ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đại Lộc có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Ái Nghĩa và 17 xã: Đại An, Đại Chánh, Đại Cường, Đại Đồng, Đại Hiệp, Đại Hòa, Đại Hồng, Đại Hưng, Đại Lãnh, Đại Minh, Đại Nghĩa, Đại Phong, Đại Quang, Đại Sơn, Đại Tân, Đại Thắng, Đại Thạnh.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Phát huy những kết quả đã đạt được, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, huy động các nguồn lực, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế bền vững với phát triển văn hóa, xã hội, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh; sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tiếp tục đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nông lâm - thủy sản theo hướng bền vững, chuyển dịch thương mại - dịch vụ theo hướng tích cực, tạo bước đột phá trong phát triển du lịch để phấn đấu xây dựng huyện Đại lộc phát triển toàn diện và bền vững.



KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt từ 12-13%/năm (giá so sánh 2010).
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành CN - TTCN - XD đạt từ 12-13%/năm; trong đó giá trị sản xuất ngành CN - TTCN phần huyện quản lý tăng 13-14%/năm;
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành TM - DV - DL đạt từ 13-14%/năm;
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản đạt từ 4-4,5%/năm; tỷ trọng chăn nuôi đến năm 2025 chiếm 42% nội bộ ngành nông nghiệp (kể cả giá trị sản xuất ngành thủy sản);
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: CN - TTCN - xây dựng khoảng 64%; các ngành dịch vụ khoảng 28,5%; nông - lâm nghiệp - thủy sản khoảng 7,5% (giá so sánh 2010);
- Thu phát sinh kinh tế bình quân hằng năm tăng 10%;
- 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 12% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 30% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 40% khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

MÔI TRƯỜNG

- Diện tích rừng trồng sau khai thác hàng năm 1.500 - 1.600 ha và duy trì độ che phủ 55%.
- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ hộ dân đô thị được cung cấp nước sạch trên 95%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trên địa bàn huyện duy trì và đạt 80% trở lên, trong đó tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị đạt 90%. Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn từ 15,38% cụm công nghiệp trở lên. Tỷ lệ nhà máy có hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn khi xả thải ra môi trường đạt 100%.

MÔI TRƯỜNG

- Giải quyết việc làm mới cho từ 1.200 - 1.500 lao động/năm, trong đó xuất khẩu lao động đạt 100 lao động/năm. Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 59%.
- Phần đầu đến năm 2025 không còn hộ nghèo (trừ các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội).
- 97% người dân tham gia BHYT; 90% dân số được quản lý sức khỏe hàng năm; 100% người cao tuổi có thẻ BHYT, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh; được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.
- Giảm tỷ suất sinh thô hàng năm dưới 0,2%%, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng với 09 loại vacxin hàng năm là 95%. Hàng năm, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi thể thấp còi 0,3%.
- 100% các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học và THCS đạt chuẩn. Trong đó: 60% trường Mầm non, 80% trường Tiểu học, 70% trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3; 60% học sinh THCS được học 02 buổi/ngày.
- Hàng năm, có 85 - 90% số thôn, khu phố; 95% trở lên số cơ quan đơn vị, doanh nghiệp; 90 - 92% số gia đình đạt danh hiệu văn hóa.



QUỐC PHÒNG - AN NINH

- 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh, 83,3% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện.
- Giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu giao.

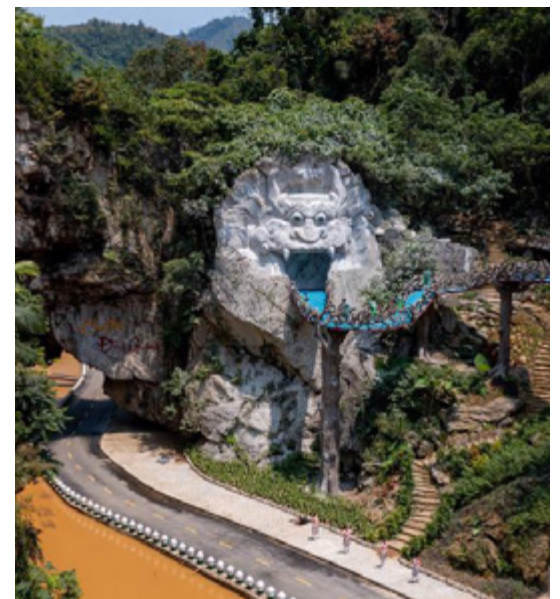
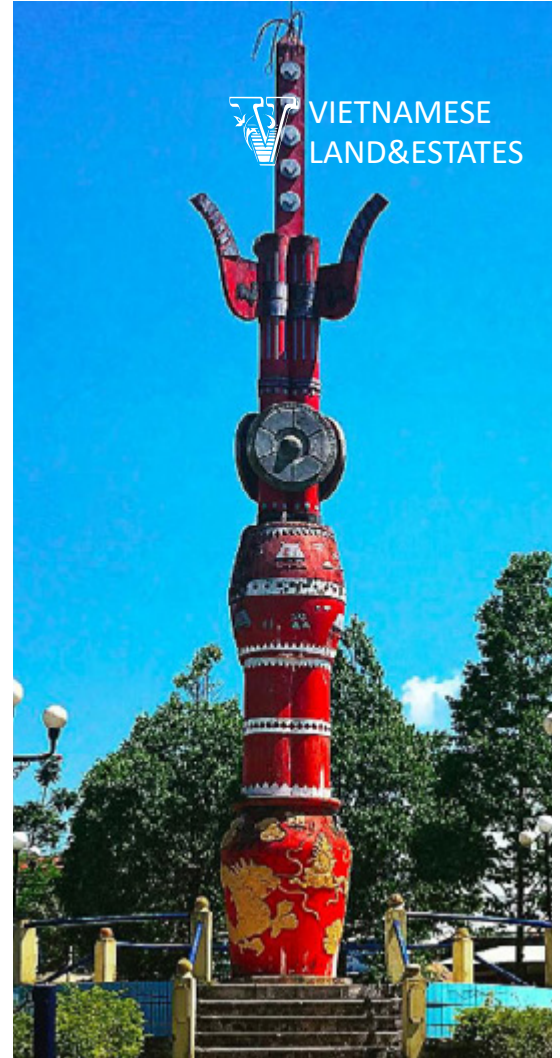
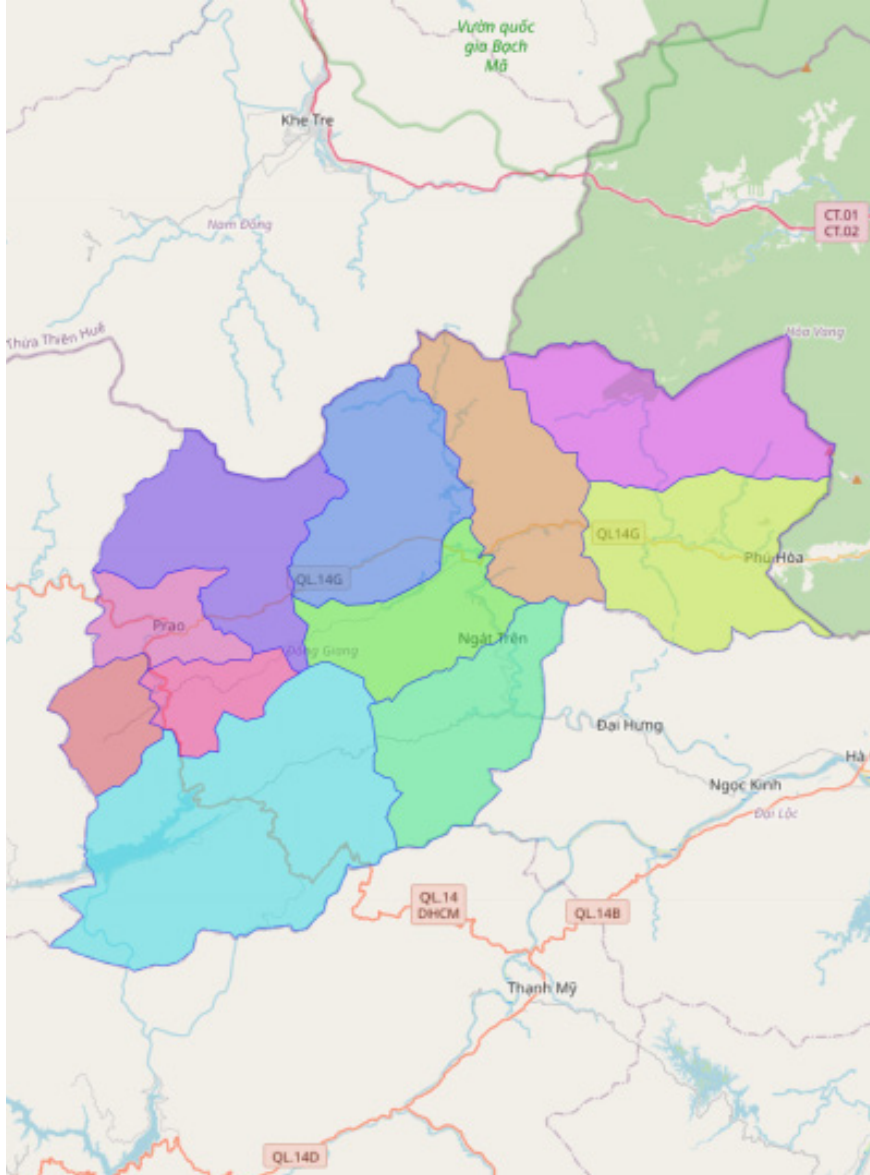
ĐÔNG GIANG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Đông Giang nằm ở phía bắc tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía đông giáp huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
- Phía tây giáp huyện Tây Giang
- Phía nam giáp huyện Đại Lộc và huyện Nam Giang
- Phía bắc giáp huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế và huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 811,2 km²

Dân số trung bình: 25.116 người.

Mật độ: 31 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đông Giang có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Prao và 10 xã: A Rooi, A Ting, Ba, Jơ Ngây, Ka Dăng, Mà Cooih, Sông Kôn, Tà Lu, Tư, Zà Hung.

DU XUYÊN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Duy Xuyên nằm ở phía Bắc tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp biển Đông
- Phía Tây giáp các huyện Đại Lộc và Nông Sơn
- Phía Nam giáp các huyện Quế Sơn và Thăng Bình
- Phía Bắc giáp thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

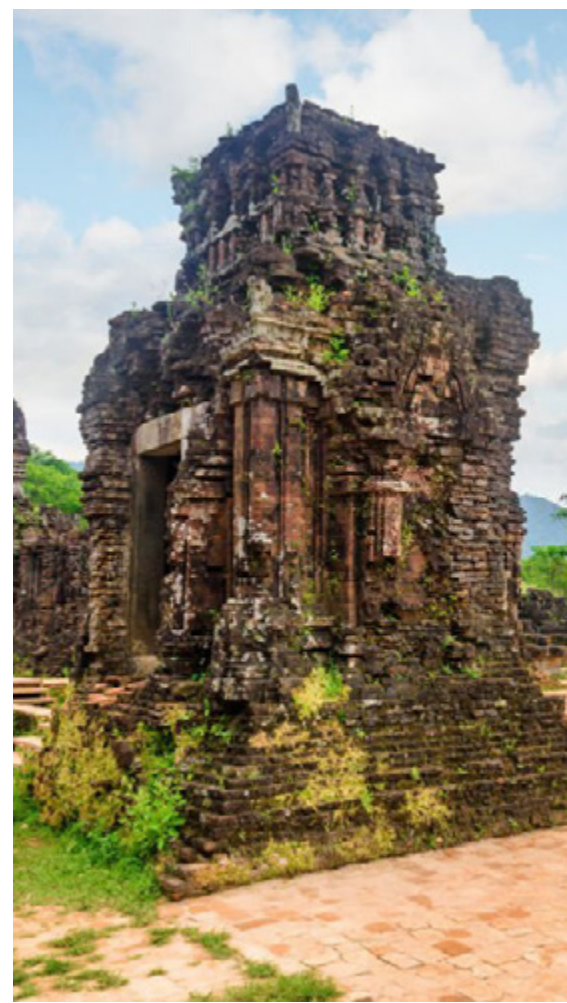
Diện tích: 298 km²

Dân số trung bình: 126.686 người.

Mật độ: 425 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Duy Xuyên có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Nam Phước và 13 xã: Duy Châu, Duy Hải, Duy Hòa, Duy Nghĩa, Duy Phú, Duy Phước, Duy Sơn, Duy Tân, Duy Thành, Duy Thu, Duy Trinh, Duy Trung, Duy Vinh.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Giữ gìn và phát huy tốt truyền thống văn hóa và cách mạng của quê hương, đất nước; phát huy dân chủ, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy những thành tựu đạt được; tranh thủ thời cơ, tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp. Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ để thu hút đầu tư, đảm bảo cho sự phát triển mạnh thương mại dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch. Duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường; đẩy mạnh liên doanh, liên kết trong sản xuất nông nghiệp sạch; phát triển đô thị; nguồn nhân lực. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu Chú trọng phát triển văn hóa, thực hiện tốt chương trình đổi mới căn bản, toàn diện chất lượng giáo dục đào tạo. Thực hiện tốt các chương trình an sinh xã hội. Đảm bảo quốc phòng - an ninh. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí về nông thôn mới, phấn đấu xây dựng Duy Xuyên thành Thị xã sau năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

KINH TẾ

1. Cơ cấu giá trị sản xuất (theo giá hiện hành): Dịch vụ: 55% - Công nghiệp, xây dựng: 39% - Nông nghiệp: 6,0%
2. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hằng năm: 16,0%
3. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025: 68 triệu đồng
4. Giá trị sản xuất Dịch vụ tăng bình quân hằng năm: 19,0%
5. Giá trị sản xuất Công nghiệp-XD tăng bình quân hằng năm: 14,5%
6. Giá trị SX Nông-Lâm-Ngư nghiệp tăng bình quân hằng năm: 2,5%
7. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng so với 5 năm trước: 3 lần
8. Thu phát sinh kinh tế tăng bình quân hằng năm: 17%

MÔI TRƯỜNG

1. Tỷ lệ số hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh 100%.
2. Trên 50% cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.
3. Tỷ lệ xử lý chất thải sinh hoạt, y tế trên 90%.





XÃ HỘI

1. Phần đầu đến năm 2025 không còn hộ nghèo (không tính hộ bảo trợ xã hội)
2. Đến năm 2025, có 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu và có ít nhất 50% thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.
3. Cơ cấu lao động: Phi nông nghiệp: 85%, Nông nghiệp: 15%
4. Giải quyết việc làm mới trong 5 năm: Trên 9.000 lao động
5. Lao động được đào tạo nghề hằng năm: 1.200 lao động năm.
6. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt: 100%
7. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới: 4,5%
8. Có 60% trường công lập đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3. Có ít nhất 01 trường ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia.

QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm: 100%
2. Số xã, thị trấn đạt chuẩn vững mạnh về QP-AN: 100%, trong đó vững mạnh toàn diện trên 70%.

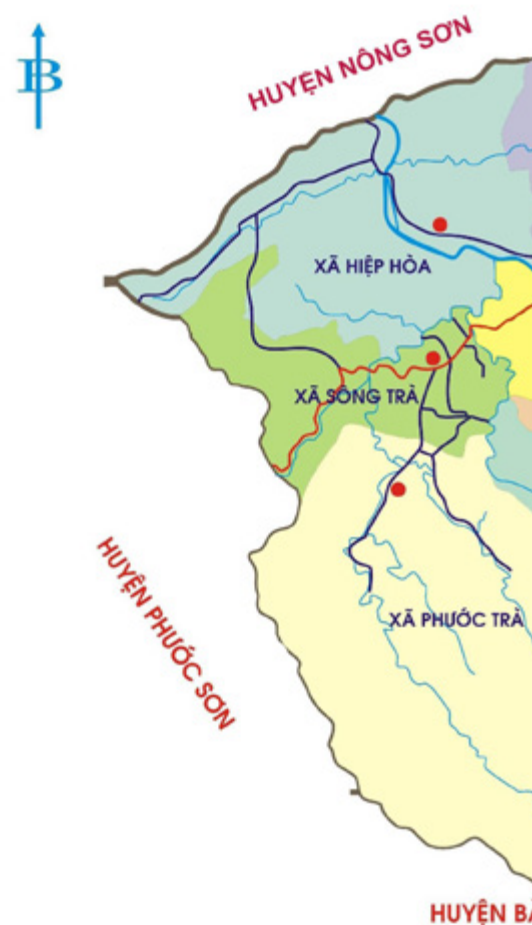
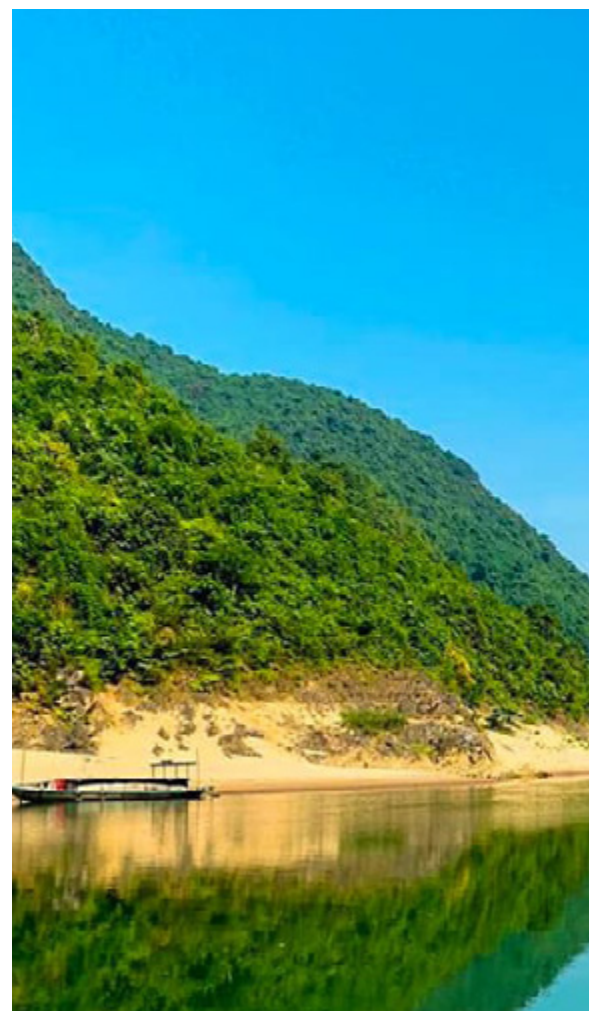


HIỆP ĐỨC

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Hiệp Đức nằm ở gần trung tâm địa lý của tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp huyện Tiên Phước
- Phía Đông Bắc giáp huyện Thăng Bình
- Phía Bắc giáp các huyện Quế Sơn và Nông Sơn
- Phía Tây giáp huyện Phước Sơn
- Phía Nam giáp huyện Bắc Trà My.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

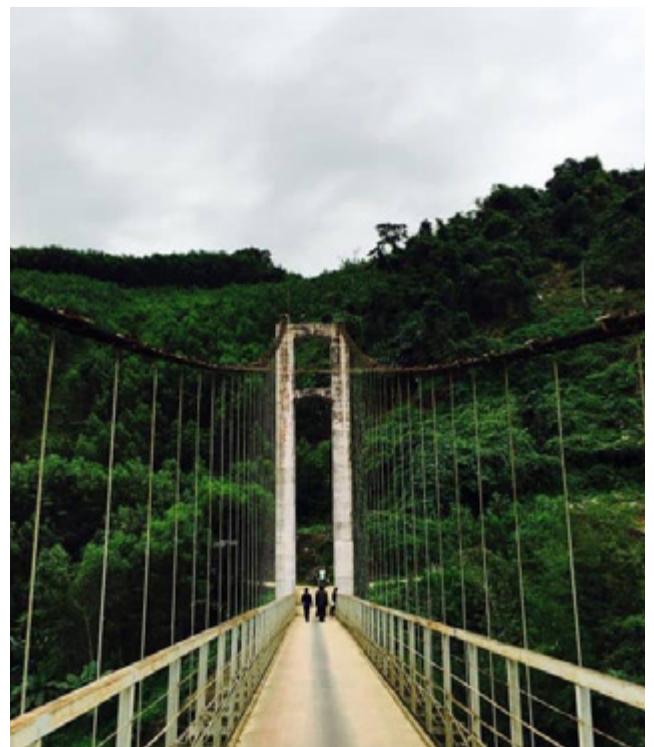
Diện tích: 492 km²

Dân số trung bình: 37.127 người.

Mật độ: 76 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hiệp Đức có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Tân Bình và 10 xã: Bình Lâm, Bình Sơn, Hiệp Hòa, Hiệp Thuận, Phước Gia, Phước Trà, Quế Lưu, Quế Thọ, Sông Trà, Thăng Phước.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030



Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ, đoàn kết, đổi mới, giữ vững kỷ cương; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, xây dựng Hiệp Đức cơ bản thành huyện Nông thôn mới"

KINH TẾ VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản 15%, công nghiệp - xây dựng 55%, thương mại - dịch vụ 30%;
2. Thu nhập bình quân đầu người đạt 50 triệu đồng/người/năm;
3. Bình quân hằng năm, giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng 3,4%, công nghiệp - xây dựng tăng 20%; thương mại - dịch vụ tăng 11%;
4. Thu ngân sách từ phát sinh kinh tế tăng bình quân hằng năm 10%;
5. Có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới; ít nhất có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 11 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; không còn xã đạt dưới 14 tiêu chí; huyện đạt ít nhất 80% tiêu chí nông thôn mới cấp huyện.

QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Hằng năm, có 97% trở lên số hộ, thôn, khối phố, 98% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự;
2. Giao quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu tình giao;



XÂY DỰNG ĐẢNG

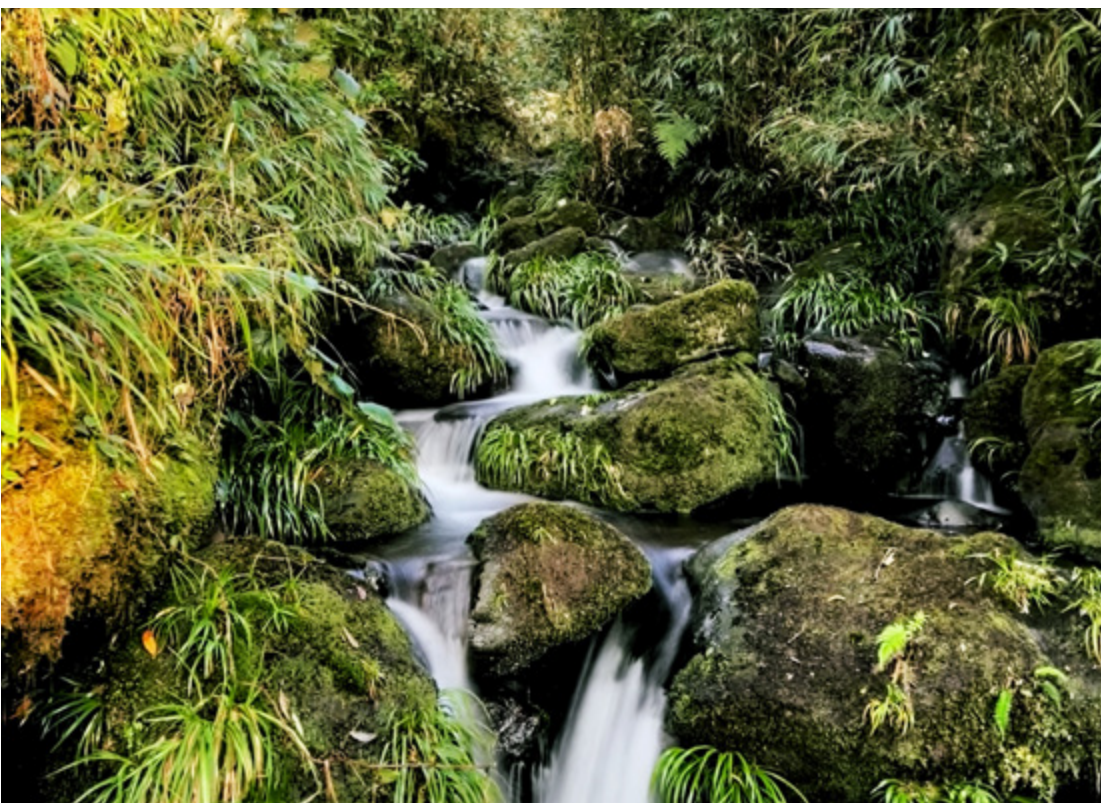
1. Phấn đấu nhiệm kỳ 2020 - 2025, kết nạp mới 150 đảng viên trở lên;
2. Hằng năm, có 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không có tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ
3. Phấn đấu hằng năm có 100% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó, có ít nhất 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ;
4. Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức cấp huyện và xã đạt chuẩn theo quy định; riêng cấp huyện, có ít nhất 17% đạt trình độ chuyên môn sau đại học.

VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Xây dựng mới 06 trường đạt chuẩn quốc gia mức 1 và 06 trường đạt mức 2; duy trì kết quả phổ cập giáo dục ở các cấp học;
2. Có 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tối thiểu đạt 98%;
3. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới 14,5%;
4. Phấn đấu có 08 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và 01 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị;
5. Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5,0%; đến năm 2025, không còn nhà tạm bợ trên địa bàn huyện;
6. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%;
7. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng lao động nông nghiệp 40%, lao động phi nông nghiệp 60%.

MÔI TRƯỜNG

1. Hình thành vùng nguyên liệu gỗ lớn (được đánh giá cấp chứng chỉ FSC) ít nhất 6.000 ha;
2. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 62% trở lên;
3. Thu gom chất thải rắn tại đô thị đạt 100%, tại nông thôn đạt trên 70%; tại các cụm công nghiệp được xử lý đúng quy định đạt 98%; tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo quy định đạt 50%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,6%.



NAM GIANG

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.836 km²

Dân số trung bình: 26.123 người.

Mật độ: 14 người/km²

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Nam Giang nằm ở phía tây tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía bắc giáp huyện Đông Giang
- Phía tây giáp Lào với chiều dài đường biên giới khoảng 70 km
- Phía nam giáp huyện Phước Sơn và huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum
- Phía đông giáp các huyện Đại Lộc và Nông Sơn.

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nam Giang có 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Thanh Mỹ và 11 xã: Cà Dy, Chà Vål, Chợ Chun, Đắc Pre, Đắc Pring, Đắc Tỏi, La Dêê, La Êê, Tà Bhing, Tà Pơơ, Zuôih.

A photograph of a small waterfall cascading over rocks in a lush, green forest. The water is white and frothy as it falls, surrounded by dense foliage and ferns. The scene is captured in a vertical orientation.

1. Tổng sản lượng lương thực có hạt 6.700 tấn/năm;
2. Tổng giá trị sản xuất hàng năm của ngành nông - lâm nghiệp, thủy sản tăng 5 - 7%; ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 10 - 15%; ngành thương mại - dịch vụ tăng 10 - 15%.
3. Tổng thu ngân sách nội địa tăng bình quân hằng năm 5 - 10%;
4. Giảm bình quân hộ nghèo hằng năm 300 - 350 hộ;
5. Có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới;
6. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 80 - 85%;
7. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 71% trở lên
8. Phấn đấu 90% trở lên tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm; không có tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ;
9. Kết nạp bình quân hằng năm 70 đảng viên trở lên.

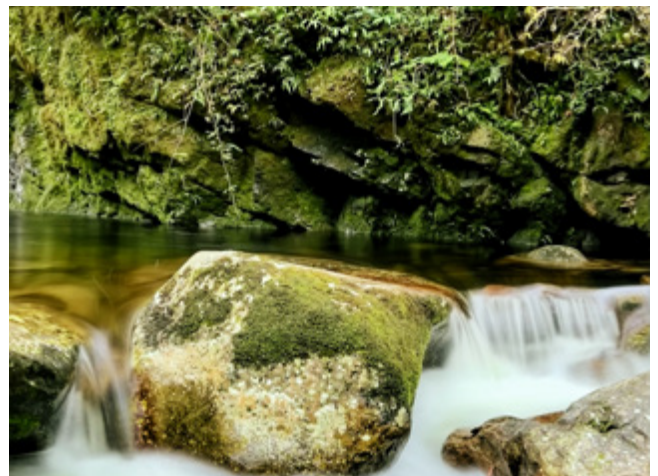


NAM TRÀ MY

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Nam Trà My nằm trên ngã ba ranh giới giữa tỉnh Quảng Nam với hai tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi
- Phía Nam, đông nam, tây nam giáp tỉnh Kon Tum
- Phía Tây bắc giáp huyện Phước Sơn
- Phía Bắc giáp huyện Bắc Trà My.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 825,46 km²

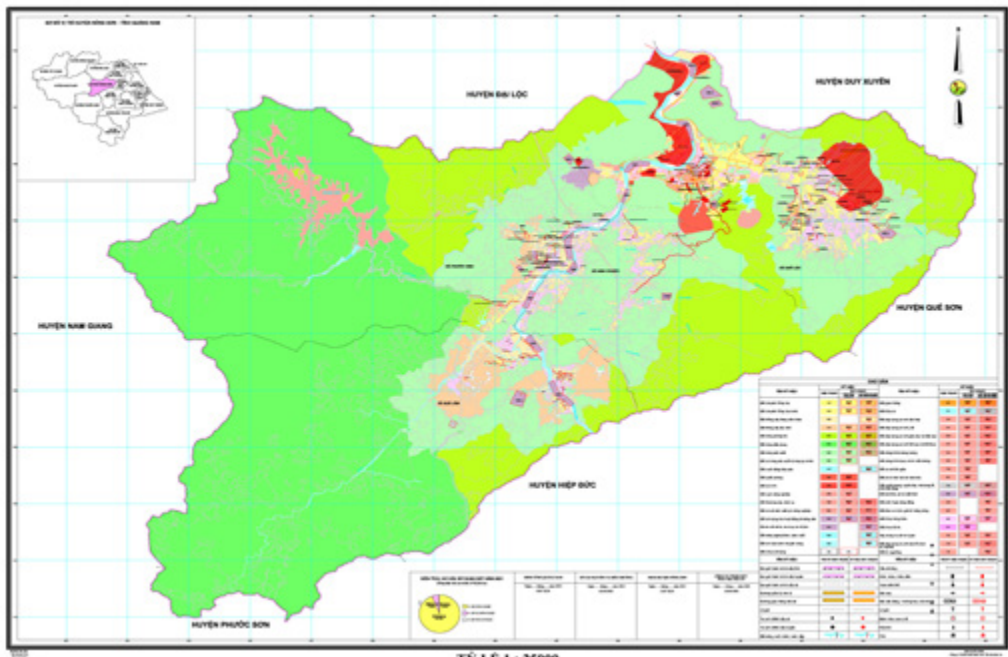
Dân số trung bình: 31.306 người.

Mật độ: 50 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nam Trà My có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 10 xã: Trà Cang, Trà Don, Trà Dơn, Trà Leng, Trà Linh, Trà Mai, Trà Nam, Trà Tập, Trà Vân và Trà Vinh.





NÔNG SƠN

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 455,92 km²

Dân số trung bình: 26.678 người.

Mật độ: 59 người/km²

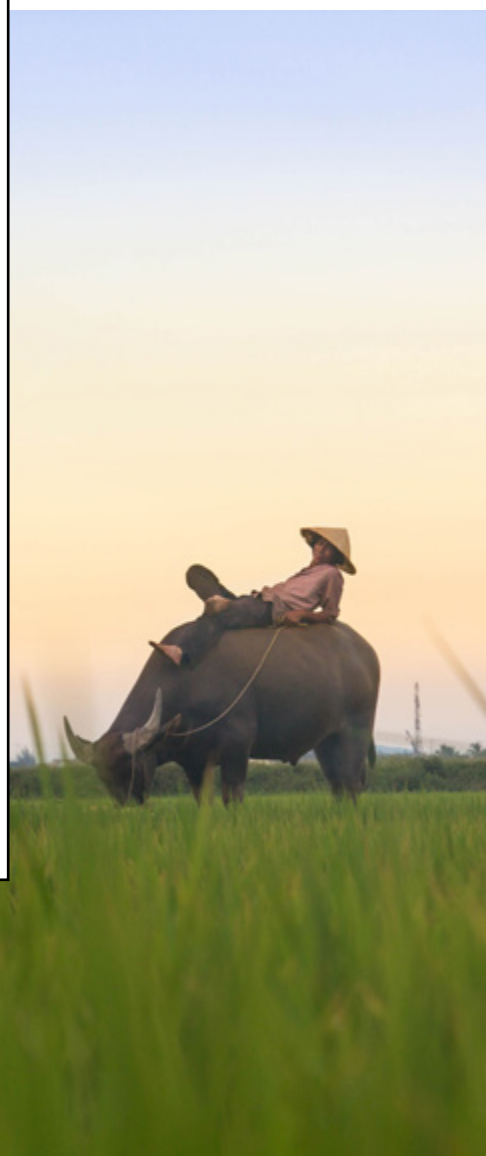
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nông Sơn có 6 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 6 xã: Ninh Phước, Phước Ninh, Quế Lâm, Quế Lộc, Quế Trung và Sơn Viên.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Nông Sơn nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp huyện Quế Sơn
- Phía Tây giáp huyện Nam Giang
- Phía Nam giáp các huyện Hiệp Đức và Phước Sơn
- Phía Bắc giáp các huyện Duy Xuyên và Đại Lộc.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030



1. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ chiếm 85% trong cơ cấu kinh tế; nông nghiệp 15%.
2. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tăng bình quân từ 9-11%/năm, trong đó: tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 5-7%/năm, ngành công nghiệp-xây dựng tăng bình quân 9-11%/năm, thương mại-dịch vụ 11-13%/năm.
3. Thu phát sinh kinh tế tăng từ 7-10%/năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 250 tỷ đồng/năm.
4. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 46 triệu đồng/năm;
5. Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện còn dưới 2%
6. 6/6 xã đạt chuẩn nông thôn mới;
7. 100% trường đạt chuẩn quốc gia
8. 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.
9. Hằng năm, kết nạp 30 đảng viên
10. Phấn đấu 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
11. Phấn đấu không có tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ...





NÚI THÀNH



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Núi Thành nằm ở phía Nam tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp biển Đông
- Phía Tây giáp huyện Bắc Trà My và huyện Phú Ninh
- Phía Nam giáp huyện Bình Sơn và huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi
- Phía Bắc giáp thành phố Tam Kỳ.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 455,92 km²

Dân số trung bình: 26.678 người.

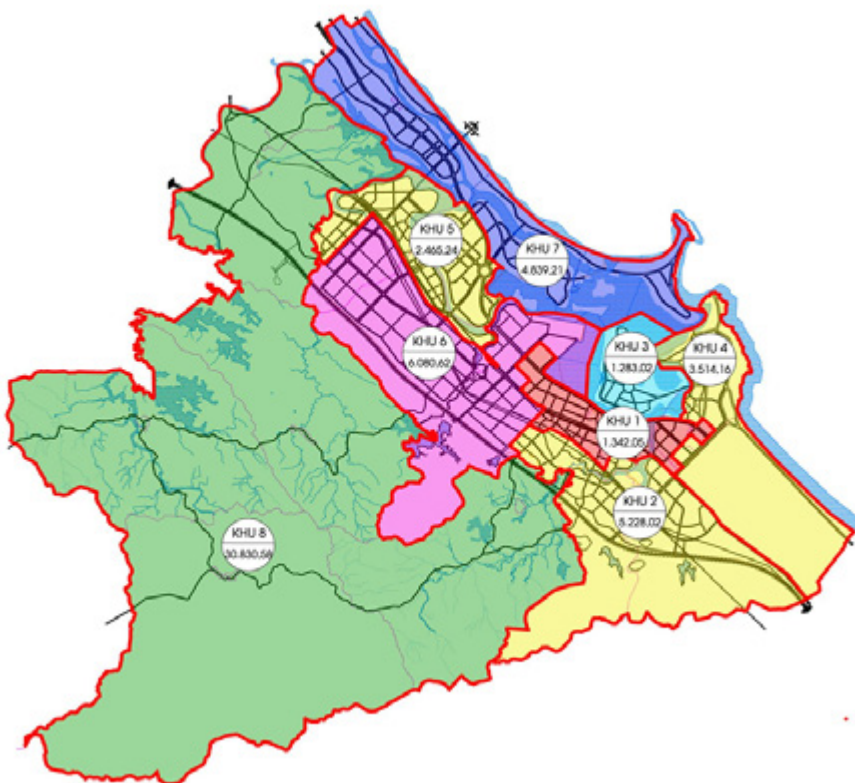
Mật độ: 59 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nông Sơn có 6 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 6 xã: Ninh Phước, Phước Ninh, Quế Lâm, Quế Lộc, Quế Trung và Sơn Viên.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

1. Phần đầu đến cuối năm 2025, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%;
2. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới 6,5%;
3. Phần đầu đến năm 2025: 100% trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; giữ vững 100% các trường học từ mầm non đến trung học cơ sở đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1; có 60% trường mầm non, 70% trường tiểu học và 40% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; 70% các trường trung học cơ sở dạy học 2 buổi/ngày.
4. Đến cuối năm 2025, toàn huyện có 07 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, trong đó có 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu. Toàn huyện có 46 khu dân cư NTM kiểu mẫu



PHÚ NINH

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Phú Ninh là một huyện đồng bằng nằm ở phía Đông tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp thành phố Tam Kỳ và huyện Núi Thành
- Phía Tây giáp huyện Tiên Phước
- Phía Nam giáp huyện Bắc Trà My
- Phía Bắc giáp huyện Thăng Bình.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

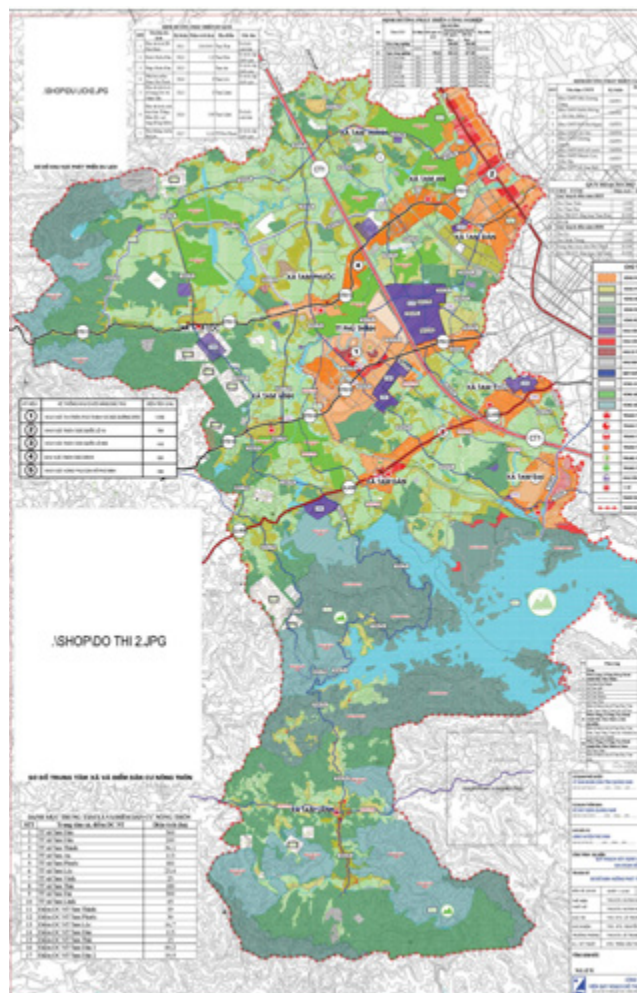
Diện tích: 251,47 km²

Dân số trung bình: 77.204 người.

Mật độ: 307 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Phú Ninh có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Phú Thịnh và 10 xã: Tam An, Tam Đại, Tam Dân, Tam Đàn, Tam Lãnh, Tam Lộc, Tam Phước, Tam Thái, Tam Thành, Tam Vinh.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

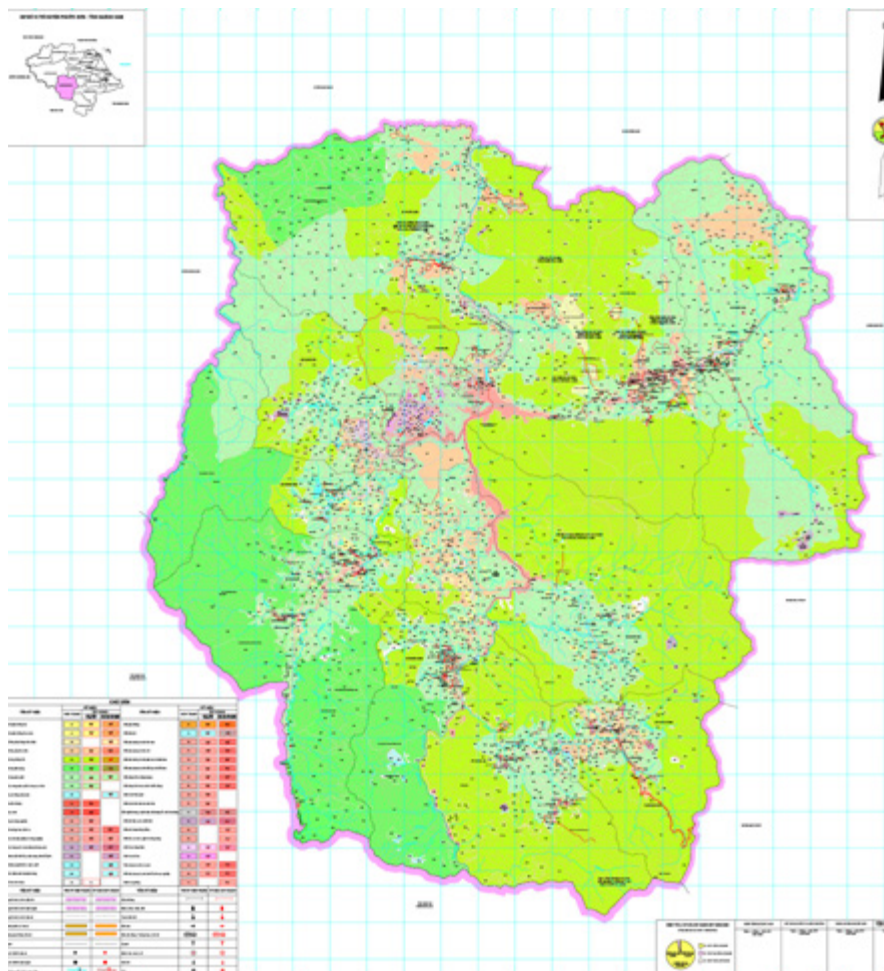
- 10/10 xã và huyện duy trì, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới; có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 80% thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.
- Xây dựng thị trấn Phú Thịnh hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V và đầu tư đạt một số tiêu chí của đô thị loại IV.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất (GTSX) bình quân hàng năm 12,4%.
- Cơ cấu các ngành kinh tế trong GTSX đến năm 2025: nông, lâm, thủy sản chiếm 11%; công nghiệp - xây dựng chiếm 42,9%; thương mại - dịch vụ chiếm 46,1%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 65 triệu đồng vào cuối năm 2025.
- Thu phát sinh kinh tế tăng bình quân hàng năm trên 10%.
- Tỉ lệ thu gom, phân loại rác thải đạt 100%;
- 100% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; trên 90% hộ dân thị trấn sử dụng nước sạch.
- Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân 100%.
- Phần đầu không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội và hộ nghèo bị bệnh hiểm nghèo không có khả năng thoát nghèo).
- Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo còn dưới 1,2%.
- Tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu;
- 100% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện về quốc phòng, an ninh.
- Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ kết nạp trên 300 đảng viên;
- Trên 90% tổ chức đảng và đảng viên hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có tổ chức đảng yếu kém...

PHƯỚC SƠN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Phước Sơn nằm ở phía Nam tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

- Phía Bắc giáp huyện Nông Sơn
- Phía Tây giáp huyện Nam Giang
- Phía Nam giáp huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum và Lào
- Phía Đông giáp huyện Bắc Trà My, huyện Nam Trà My và huyện Hiệp Đức.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.142,38 km²

Dân số trung bình: 26.337 người.

Mật độ: 23 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Phước Sơn có 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Khâm Đức và 11 xã: Phước Chánh, Phước Công, Phước Đức, Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Kim, Phước Lộc, Phước Mỹ, Phước Năng, Phước Thành, Phước Xuân.

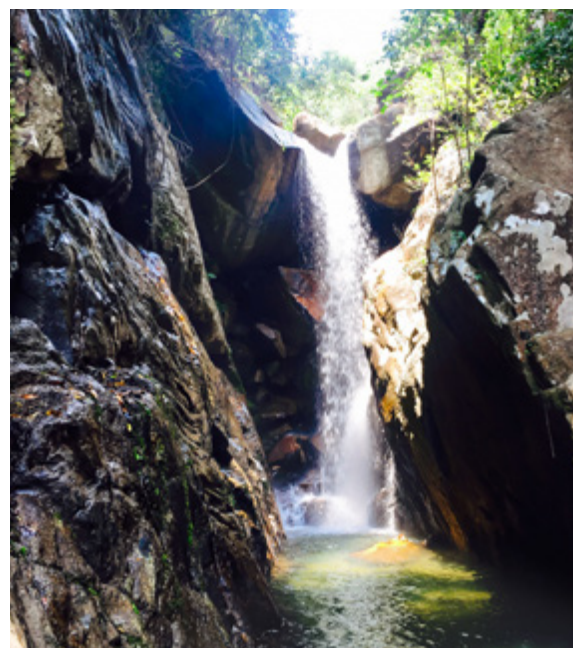


Quế Sơn

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Quế Sơn cách thành phố Đà Nẵng 40 km về phía Tây Nam và cách thành phố Tam Kỳ 30 km về phía Tây Bắc, có vị trí địa lý:

- Phía Đông giáp huyện Thăng Bình
- Phía Tây giáp huyện Nông Sơn
- Phía Nam giáp huyện Hiệp Đức
- Phía Bắc giáp huyện Duy Xuyên.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

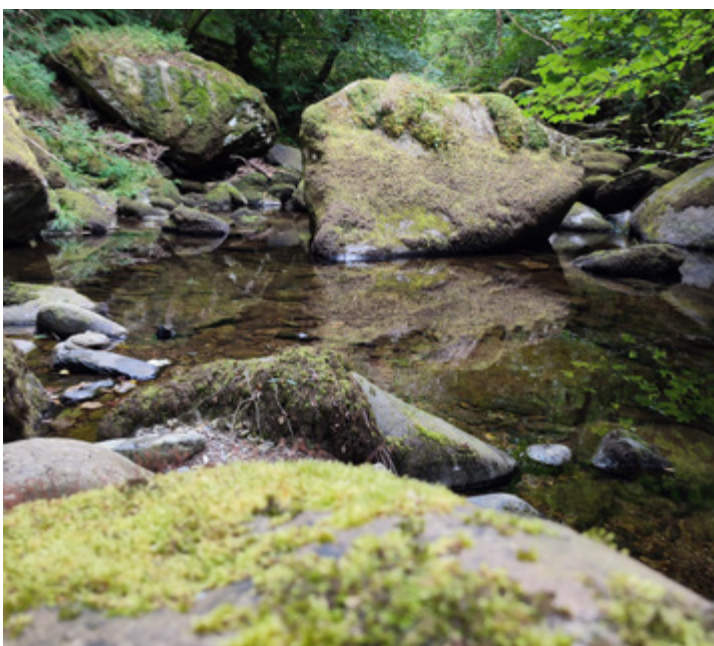
Diện tích: 257,46 km²

Dân số trung bình: 80.821 người.

Mật độ: 330 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Quế Sơn có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Đông Phú, Hương An và 11 xã: Quế An, Quế Châu, Quế Hiệp, Quế Long, Quế Minh, Quế Mỹ, Quế Phong, Quế Phú, Quế Thuận, Quế Xuân 1, Quế Xuân 2.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, rút ngắn chênh lệch mức sống dân cư giữa khu vực nông thôn với đô thị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu xây dựng huyện đạt chuẩn NTM vào năm 2025.

KINH TẾ

1. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế để đến năm 2025 tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế đạt: nông - lâm nghiệp còn dưới 10%, công nghiệp - xây dựng trên 60%, thương mại - dịch vụ trên 30%.
2. Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân hằng năm 12% trở lên, trong đó:
 - Giá trị nông - lâm nghiệp tăng 3% trở lên.
 - Giá trị công nghiệp - xây dựng tăng 13% trở lên.
 - Giá trị thương mại - dịch vụ tăng 13% trở lên.
3. Thu phát sinh kinh tế tăng bình quân hằng năm từ 10% trở lên.
4. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 55 triệu đồng vào năm 2025.
5. Phấn đấu đến năm 2025, thành lập mới từ 10 hợp tác xã dịch vụ tổng hợp trở lên.





VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 còn dưới 2,5%.
2. Phần đầu đến năm 2025, có 100% trường Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở và trên 60% trường Trung học phổ thông được đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.
3. Phần đầu đến năm 2025, có 6,5 bác sĩ/01 vạn dân.
4. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi còn dưới 11,5%
5. Phần đầu đến năm 2025, tỷ lệ lao động lĩnh vực nông, lâm nghiệp giảm còn dưới 30%; tăng tỷ lệ lao động lĩnh vực thương mại, dịch vụ và công nghiệp, xây dựng lên trên 70%.
6. Phần đầu đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo lên trên 75%, trong đó lao động có chứng chỉ đạt trên 55%.
7. Phần đầu có 100% cơ sở sản xuất trong các cụm công nghiệp xử lý nước thải đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường.
8. Hằng năm, xây dựng từ 85% số thôn (TDP), từ 80% số gia đình và từ 92% số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trở lên đạt chuẩn văn hóa.
9. Phần đầu đến năm 2025, có 100% người dân tham gia BHYT.

MÔI TRƯỜNG

1. Phần đầu có 100% cơ sở sản xuất trong các cụm công nghiệp xử lý nước thải đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường.
2. Đến năm 2025, có 90% rác thải nông thôn, 95% rác thải đô thị được thu gom, xử lý đúng quy định; 100% rác thải nguy hại đồng ruộng và rác thải y tế được phân loại, thu gom, xử lý đúng quy định; 100% cơ quan, đơn vị và 95% hộ gia đình có dụng cụ thu gom và phân loại rác tại nguồn; tiến hành khảo sát, rà soát quy hoạch xây dựng 01 khu xử lý rác thải tập trung cấp huyện và xây dựng Đề án thí điểm mô hình phân loại xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn đối với cấp xã.
3. Phần đầu đến năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó có trên 70% hộ gia đình sử dụng nước sạch.



XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ ĐÔ THỊ

1. Đến năm 2025, hoàn thành các tiêu chí công nhận huyện đạt chuẩn NTM; có từ 60% trở lên số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, có từ 15% trở lên số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và có trên 40% số thôn đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu.
2. Xây dựng thị trấn Đông Phú đạt tiêu chuẩn đô thị loại 4 vào năm 2025; nâng cao chất lượng các tiêu chí thị trấn Hương An và quy hoạch mở rộng không gian đô thị thị trấn Hương An về phía tây; mở rộng phát triển khu vực Bà Rén, Mộc Bài, Chợ Đảng theo hướng đô thị.





QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Hằng năm, phần đầu có 100% xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về QP-AN, trong đó có 80% đạt vững mạnh toàn diện; xây dựng trên 85% số xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn về an ninh trật tự.
2. Hằng năm, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ.
3. Diễn tập khu vực phòng thủ huyện đạt loại khá tốt, diễn tập chiến đấu phòng thủ 13/13 xã, thị trấn đạt loại khá trở lên.

XÂY DỰNG ĐẢNG, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ

1. Hằng năm, phần đầu có từ 95% trở lên đảng viên đạt mức “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên; đảng bộ có 100% tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đạt mức “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó có 80% tổ chức cơ sở đảng đạt mức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Đảng bộ huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ.
2. Hằng năm, phần đầu phát triển từ 70 đảng viên trở lên.
3. Hằng năm, có trên 90% tổ chức mặt trận, đoàn thể cơ sở đạt loại tốt, không có yếu kém.



TÂY GIANG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Tây Giang nằm ở phía tây bắc tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Đông Giang

Phía tây giáp CHDCND Lào

Phía nam giáp huyện Nam Giang

Phía bắc giáp các huyện A Lưới và Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 904,70 km²

Dân số trung bình: 20.005 người.

Mật độ: 22 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Tây Giang có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 10 xã: A Nông, A Tiên, A Vương, A Xan, Bha Lê, Ch'Ơm, Dang, Ga Rì, Lăng và Tr'Hy.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Năm 2022 là năm đặc biệt quan trọng, năm động lực để từng bước thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 05 năm 2021-2025. Nhiệm vụ chủ yếu của năm 2022 là đẩy mạnh cải hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng Trung tâm hành chính huyện; tập trung xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, dược liệu, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; đảm bảo quốc phòng - an ninh, tăng cường công tác đối ngoại, bảo vệ tốt biên giới quốc gia. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu về kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng - an ninh, thực hiện linh hoạt, hiệu quả các giải pháp kiểm soát, thích ứng an toàn với dịch bệnh Covid-19, bảo vệ sức khoẻ Nhân dân; thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện trong tình hình mới.

KINH TẾ

Tổng thu NSNN: 423.104 triệu đồng, trong đó: Thu nội địa trên địa bàn: 27.460 triệu đồng. Tổng chi NSNN: 423.104 triệu đồng.

1. Tổng sản lượng lương thực có hạt: 4.584,4 tấn.
2. Diện tích trồng cây ăn quả: 50 ha; cây dược liệu: 210 ha.
3. Bê tông hoá Giao thông nông thôn: 8,25 km.
4. Công nhận 02 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và 08 thôn đạt chuẩn nông thôn mới.
5. Sắp xếp ổn định dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới trên: 200 hộ.
6. Tỷ lệ hộ sử dụng điện phục vụ sinh hoạt đạt trên 98% (trong đó: Điện lưới quốc gia đạt trên 90%).



VĂN HOÁ - XÃ HỘI

1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên: 4,0%; đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên: 200 lao động; xoá nhà tạm trên: 50 nhà.
2. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 85%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới: 11,4%; Trạm Y tế đạt chuẩn quốc gia: 02 trạm
3. Trường học đạt chuẩn quốc gia: 02 trường.
4. Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá đạt trên 95%; gia đình và thôn đạt chuẩn văn hoá đạt trên 85%; đầu tư nâng cấp, sửa chữa 13 xã, thôn và sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình văn hoá Làng Truyền thống huyện.
5. Thu hút khách du lịch: 2.500 lượt



MÔI TRƯỜNG

1. Trồng rừng: 830 ha; tỷ lệ độ che phủ rừng: 73%.
2. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng: Đất ở: 900 giấy, đất trồng cây cao su: 1.200 giấy; hoàn thành công tác đo đạc đất lâm nghiệp tại xã Tr'hy và
3. Anông, triển khai do mới tại xã Avương và Dang.
4. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 90%.

QUỐC PHÒNG-AN NINH

1. Xã vững mạnh về QPAN: 100 % xã; Tuyển quân: 100% chỉ tiêu; xây dựng nhà làm việc BCH Quân sự xã: 02 xã.
2. Xã an toàn về ANTT: 100% xã xây dựng nhà làm việc Công an xã: 01 xã.

THĂNG BÌNH

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Thăng Bình nằm ở phía đông tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp Biển Đông

Phía tây giáp huyện Hiệp Đức và huyện Quế Sơn

Phía nam giáp thành phố Tam Kỳ và các huyện Phú Ninh, Tiên Phước

Phía bắc giáp huyện Duy Xuyên.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

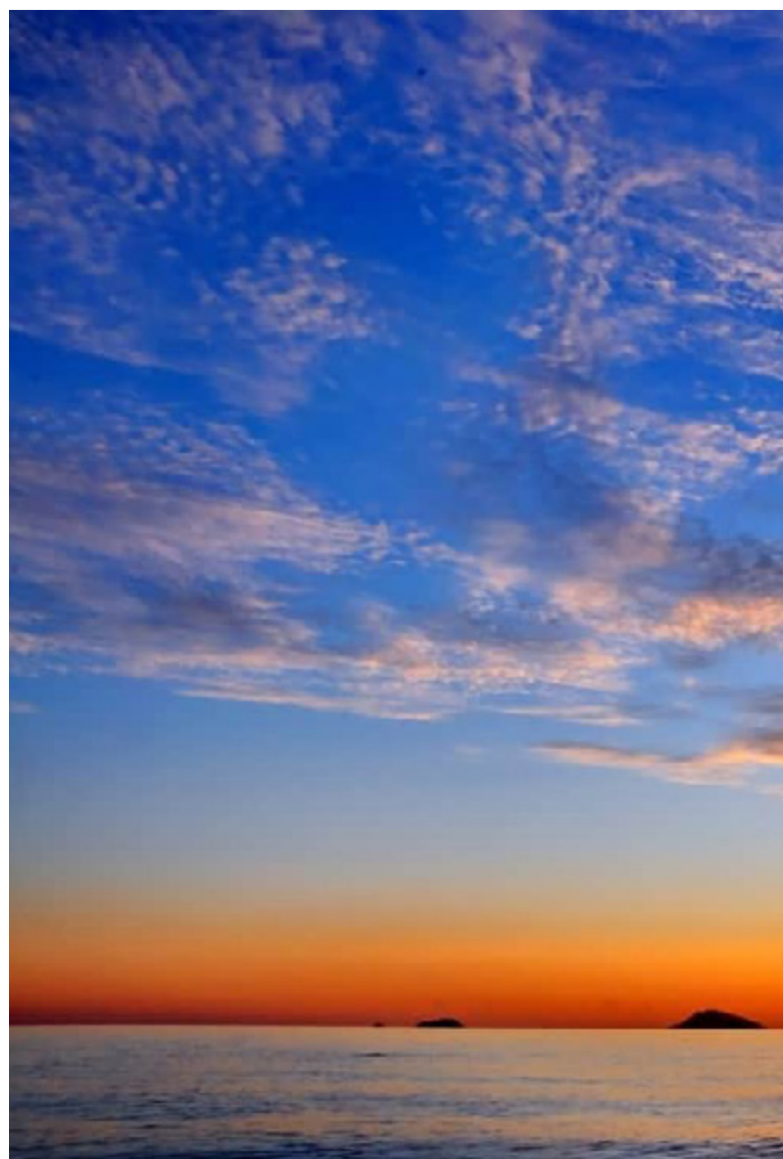
Diện tích: 384,75 km²

Dân số trung bình: 173.726 người.

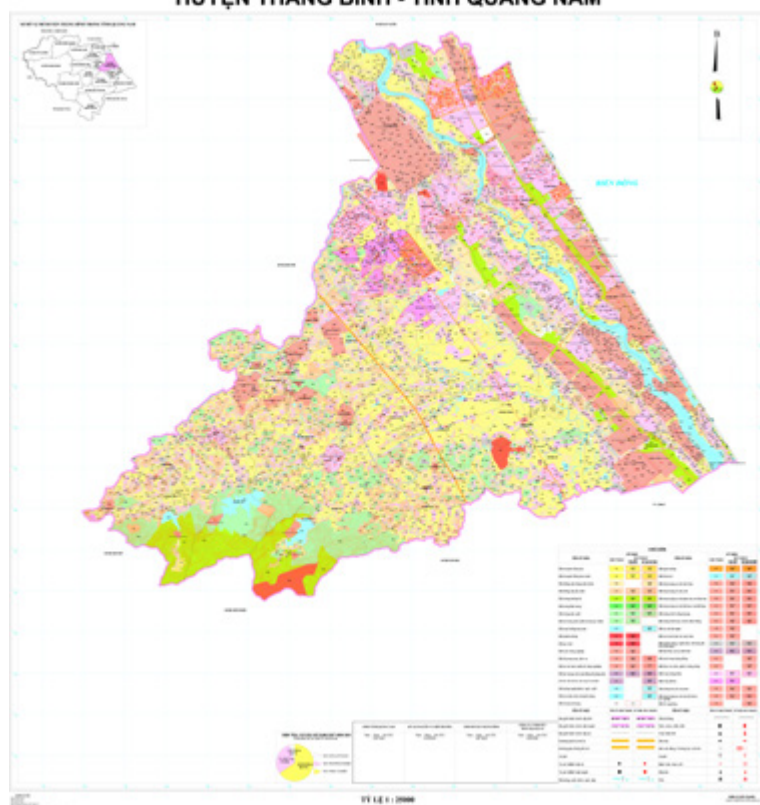
Mật độ: 450 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Thăng Bình có 22 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Hà Lam và 21 xã: Bình An, Bình Chánh, Bình Đào, Bình Định Bắc, Bình Định Nam, Bình Dương, Bình Giang, Bình Hải, Bình Lãnh, Bình Minh, Bình Nam, Bình Nguyên, Bình Phú, Bình Phục, Bình Quế, Bình Quý, Bình Sa, Bình Trị, Bình Triều, Bình Trung, Bình Tú.



**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
HUYỆN THĂNG BÌNH - TỈNH QUẢNG NAM**



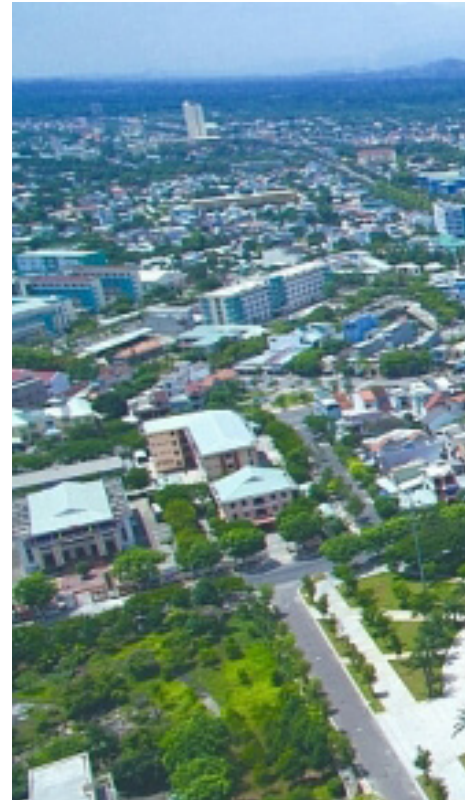


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới; tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tập trung củng cố, kiện toàn, xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; huy động mọi nguồn lực để tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Quyết tâm xây dựng Thăng Bình thành vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam của tỉnh.

KINH TẾ

1. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế bình quân hàng năm đạt từ 9 -10%.
2. Thu nhập thực tế bình quân đầu người năm 2025 đạt trên 68 triệu đồng/người/năm.
3. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - Xây dựng trên 45%, Dịch vụ 43%, Nông, lâm nghiệp, thủy sản dưới 12%.
4. Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm >14%; thu phát sinh kinh tế trên địa bàn huyện đạt trên 2.500 tỷ đồng; năm 2025, thu phát sinh kinh tế trên địa bàn đạt từ 650 - 700 tỷ đồng.
5. Vốn đầu tư phát triển từ NSNN do huyện quản lý tăng hàng năm đạt trên 25% tổng chi ngân sách địa phương.
6. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 35%.





VĂN HÓA - XÃ HỘI

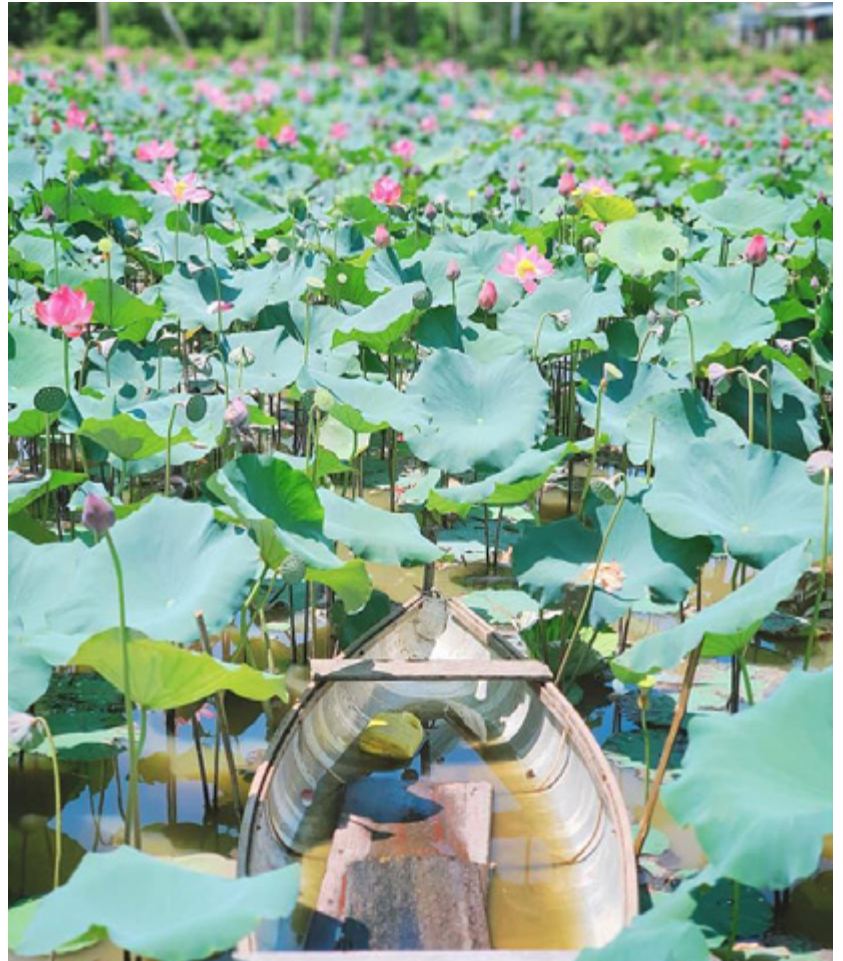
1. Đến năm 2025, cơ bản xóa hết hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo (tính theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020).
2. Đến cuối năm 2022: 100% xã đạt chuẩn NTM; năm 2023 huyện đạt chuẩn Nông thôn mới. Đến năm 2025, có 08 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu.
3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 37%; số lao động được tạo việc làm mới bình quân hằng năm trên 3.000 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên 70%; xuất khẩu lao động cả nhiệm kỳ trên 800 lao động.
4. Đến năm 2022 có 100% trường học các cấp do huyện quản lý đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2025 có 35% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Phối hợp xây dựng 100% trường THPT trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia.
5. Đến năm 2025 có 100% người dân tham gia bảo hiểm y tế.
6. 100% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; 35 giường bệnh và 6 bác sĩ /1 vạn dân.
7. Trên 90% thôn, khu phố đạt danh hiệu thôn, khu phố văn hóa; trên 97% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.



MÔI TRƯỜNG

1. Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 20%.
2. 100% các khu công nghiệp, 50% cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Trên 95% chất thải rắn (kể cả thông thường và nguy hại), 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.
3. 100% số hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch đối với khu vực đô thị trên 95%, đối với khu vực nông thôn trên 60%.





QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Bình quân hằng năm kết nạp 80 - 100 đảng viên mới.
2. Bình quân hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ; trên 90% đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.
3. 100% xã, thị trấn đạt chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó trên 70% xã, thị trấn đạt vững mạnh toàn diện. Giao quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu.
4. Trên 90% xã, thị trấn và 95% cơ quan, trường học, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

TIỀN PHƯỚC

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Tiên Phước nằm ở phía tây tỉnh Quảng Nam, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Phú Ninh

Phía tây giáp huyện Hiệp Đức

Phía nam giáp huyện Bắc Trà My

Phía bắc giáp huyện Thăng Bình.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 453,22 km²

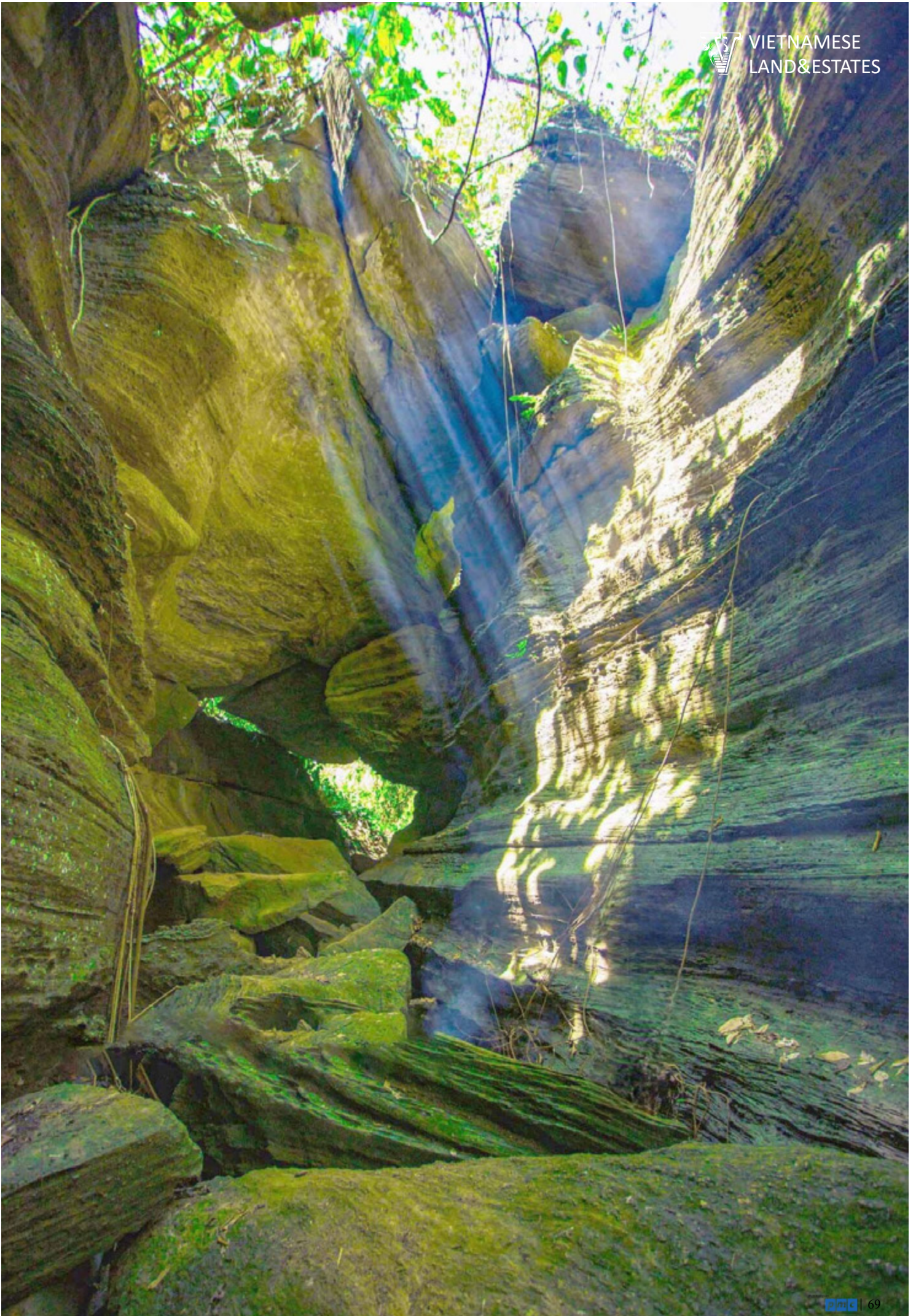
Dân số trung bình: 66.239 người.

Mật độ: 146 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Tiên Phước có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Tiên Kỳ và 14 xã: Tiên An, Tiên Cẩm, Tiên Cảnh, Tiên Châu, Tiên Hà, Tiên Hiệp, Tiên Lãnh, Tiên Lập, Tiên Lộc, Tiên Mỹ, Tiên Ngọc, Tiên Phong, Tiên Sơn, Tiên Thọ.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong sạch, vững mạnh; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Phát huy dân chủ, xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân; tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững. Gắn phát triển kinh tế với việc chăm lo các vấn đề xã hội; tập trung nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát huy truyền thống anh hùng, quyết tâm thực hiện thành công huyện Nông thôn mới năm 2022 và cơ bản đạt các tiêu chí huyện Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới giai đoạn 2020-2025. Phấn đấu đến năm 2030, huyện Tiên Phước đạt huyện nông thôn mới kiểu mẫu; là một trong những trung tâm du lịch sinh thái làng quê của tỉnh Quảng Nam; đô thị Tiên Kỳ là đô thị sinh thái - văn minh.





KINH TẾ

1. Cơ cấu giá trị các ngành kinh tế đến năm 2025: Nông - lâm nghiệp 11,57%; công nghiệp - xây dựng 31,32%; thương mại - dịch vụ 57,11%.
2. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hằng năm các ngành kinh tế: Nông - lâm nghiệp 7%; công nghiệp - xây dựng 20%; thương mại - dịch vụ 16%.
3. Thu nhập bình quân đầu người: 59,6 triệu đồng/người/năm (năm 2025).
4. Thu ngân sách trên địa bàn bình quân hằng năm tăng 15%.
5. Đến năm 2022, có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, thị trấn Tiên Kỳ đạt chuẩn văn minh đô thị, huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Đến năm 2025, 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên 30 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

XÃ HỘI

1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2025 còn dưới 3% (bình quân mỗi năm giảm 0,4% theo tiêu chí hiện hành).
2. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo 65 - 70%; giải quyết việc làm cho 10.000 lao động.
3. Đạt lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân đến năm 2025.
4. Đến năm 2025, 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 04 bác sỹ/01 vạn dân và hơn 20 giường bệnh/01 vạn dân.
5. Đến năm 2025, tiếp tục hoàn thành và duy trì vững chắc 100% trường học đạt chuẩn quốc gia; trên 40% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
6. Duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 4,76%, thấp còi dưới 5,8%.
7. Đến năm 2025, 95% trẻ 3-5 tuổi (trong đó có 100% trẻ 5 tuổi) được chăm sóc tại các cơ sở giáo dục mầm non, 100% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6.
8. Hằng năm, có trên 80% số thôn, khối phố đạt chuẩn văn hóa, 80% tộc họ văn hóa (so với tộc họ đăng ký); trên 90% gia đình đạt chuẩn văn hóa, 100% cơ quan đạt chuẩn văn hóa; số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 36%.





MÔI TRƯỜNG

1. Diện tích rừng tái tạo hằng năm trên 3.000 ha; giữ vững tỷ lệ che phủ rừng đạt 67,2%.
2. Đến năm 2025, tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch đối với khu vực đô thị trên 65%; dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên 98%.
3. Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý chất thải rắn trên 85%.
4. Đến năm 2025, 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi, giết mổ đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.



QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100%.
2. Hằng năm, giữ vững 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh, trong đó có 70% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện.
3. Xây dựng Đảng, Mặt trận, các đoàn thể chính trị-xã hội
4. Phấn đấu kết nạp đảng viên mới trong nhiệm kỳ (tính đến tháng 6/2025) là 300 đảng viên; 90% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm; 90% trở lên các chức danh cán bộ thôn, khối phố là đảng viên.
5. Phấn đấu hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ.
6. Hằng năm, Mặt trận, đoàn thể huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 90% Mặt trận, đoàn thể cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ.

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Quảng Nam Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Thành phố Tam Kỳ

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Tam Kỳ
lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Thành phố Hội An

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hội An
lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3RPHOaf>

Thị xã Điện Bàn

Hội đồng nhân dân thị xã Điện Bàn khóa XI
kỳ họp thứ 17
<https://bit.ly/3Cr8kkw>

Huyện Bắc Trà My

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Trà My
lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Huyện Đại Lộc

Hội đồng nhân dân huyện Đại Lộc khóa XI
kỳ họp thứ 14
<https://bit.ly/3RLCdBX>

Huyện Đông Giang

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đông Giang
lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Huyện Duy Xuyên

Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ phát
triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025
<https://bit.ly/3ECuDqp>

Huyện Hiệp Đức

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hiệp Đức
lần thứ IX (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3Mqqrwx>

Huyện Nam Giang

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nam Giang
lần thứ XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3Eyp3Fl>

Huyện Nam Trà My

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nam Trà My
lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Quảng Nam

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	DIỆN TÍCH (km ²)	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
TAM KỲ	100,26	122.374	1.221
HỘI AN	61,48	98.599	1.604
ĐIỆN BÀN	214,28	226.564	1.057
BẮC TRÀ MY	823,05	41.335	50
ĐẠI LỘC	585,6	141.851	242
ĐÔNG GIANG	811,2	25.116	31
DUY XUYỀN	298	126.686	425
HIỆP ĐỨC	492	37.127	76
NAM GIANG	1.836	26.123	14
NAM TRÀ MY	825,48	31.306	50

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Quảng Nam Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Huyện Nông Sơn

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nông Sơn
lần thứ XXV (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3SSuXFE>

Huyện Núi Thành

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Núi Thành
lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3CP0LFZ>

Huyện Phú Ninh

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Ninh
lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bit.ly/3Cmr2tO>

Huyện Phước Sơn

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phước Sơn
lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Huyện Quế Sơn

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Quế Sơn
lần thứ XXV (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3epvaBd>

Huyện Tây Giang

Hội đồng nhân dân huyện Tây Giang
khóa XII, kỳ họp lần thứ 3
<https://bit.ly/3g1rRjS>

Huyện Thăng Bình

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thăng Bình
lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bit.ly/3VhPAwB>

Huyện Tiên Phước

Hội đồng nhân dân huyện Tiên Phước Khóa
XII lần thứ 8
<https://bit.ly/3MtyNTm>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Quảng Nam

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	DIỆN TÍCH (km ²)	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
NÔNG SƠN	455,92	26,678	59
NÚI THÀNH	555,95	147.721	288
PHÚ NINH	251,47	77.204	307
PHƯỚC SƠN	1.142,46	26.337	23
QUẾ SƠN	257,46	80.821	330
TÂY GIANG	904,70	20.005	22
THĂNG BÌNH	384,75	173,726	450
TIỀN PHƯỚC	453,22	66.239	146

